

Bản án số: 123/2026/HS-PT  
Ngày: 02 - 6 - 2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Y Phi Kbuôr

**Các Thẩm phán:** Ông Trương Công Bình và bà Đặng Thị Thu Hằng

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Tân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa:** Ông Biện Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo Trần Thị Tuyết K do có kháng nghị của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2026/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Đắc Lắc.

**\* Bị cáo có kháng nghị:**

**Trần Thị Tuyết K**, sinh năm 1985; Số căn cước công dân: 054185004692, cấp ngày 20/6/2024; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: khu phố C, phường T, tỉnh Đắc Lắc. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; con ông Trần Đình K1 (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; có chồng là (Đã ly hôn) và có 02 con, sinh năm 2005 và 2009.

**– Tiền án:**

+ Tại bản án hình sự số 85/2013/HS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt Trần Thị Tuyết K 09 năm tù, hình phạt bổ sung 25.000.000 đồng, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999;

+ Tại bản án hình sự số 96/2013/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt Trần Thị Tuyết K 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Bị cáo Trần Thị Tuyết K đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 27/8/2020, chưa chấp hành hình phạt bổ sung 25.000.000 đồng và án phí.

**- Nhân thân:** Ngày 22/9/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Đắc Lắc xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2025 tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Đ, có mặt.

*Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Thị Kim A không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.*

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1994; ĐKTT: Khu phố P, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Ông Trần Công N, sinh năm 2003; Nơi cư trú: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 12/8/2025, tại Căn hộ M Tòa nhà A Phú Yên, thuộc khu phố T, phường T, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Thị Kim A dùng tài khoản Zalo tên “Hí Lô Cú N1” gọi qua tài khoản Zalo tên “Trần Kiều” của Trần Thị Tuyết K hỏi mua 01 hộp 10 ma túy đá với giá 4.800.000 đồng. K đồng ý bán và hẹn Kim A đến Căn hộ M Tòa nhà A Phú Yên nhận ma túy Kim A đồng ý, đi một mình và vào Căn hộ M gặp K, K giao cho Kim A 01 bì ma túy đá. Sau đó, Kim A đem bì ma túy đá về Căn hộ M Tòa nhà A1, phân lẻ ra thành các bì nhỏ và cất giấu trong túi xách cầm tay. Đến khoảng 12 giờ 20 phút ngày 13/8/2025, Kim A lấy trong túi xách 01 bì nhựa trong suốt hàn kín có chứa ma túy đá cầm trên tay trái đi xuống đến sảnh phía bắc của Tòa nhà Apec Mandala P thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang khi Kim A đang cầm trên tay trái 01 đoạn bì nhựa bên trong chứa ma túy. Kim A khai nhận, số ma túy này là của Kim A mua, mục đích cất giấu để bán lại cho người khác kiếm lời. K khai nguồn gốc số ma túy bán cho Kim A vào ngày 12/8/2025, K mua của một người thanh niên (không xác định) tại Tòa nhà A Phú Yên với giá 4.800.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định, trước đó Nguyễn Thị Kim A đã 02 lần bán ma túy cho người khác để kiếm lời, cụ thể:

Vào ngày 08/8/2025, Trần Công N đã dùng tài khoản messenger liên hệ với Kim A hỏi mua ma túy đá với giá 500.000 đồng, Kim A đồng ý và hẹn giao ma túy tại bãi đậu xe khu vực tòa nhà A Phú Yên, thuộc khu phố T, phường T, tỉnh Đắk Lắk, N đã dùng tài khoản ngân hàng V1 số 0869459524 chuyển vào tài khoản ngân hàng OBC số 0986046260 của Kim A 500.000 đồng trước khi nhận ma túy do Kim A giao.

Khoảng 20 giờ ngày 11/8/2025, Nguyễn Thành V sử dụng tài khoản Zalo liên hệ với Kim A hỏi mua ma túy đá với giá 1.500.000 đồng, Kim A đồng ý và hẹn giao ma túy tại một quán ăn ở phường Đ, tỉnh Đắk Lắk (không xác định), V đến điểm hẹn nhận ma túy, sau đó sử dụng tài khoản ngân hàng B2 số 1770404682 của V chuyển vào tài khoản ngân hàng O số 0986046260 số tiền 1.500.000 đồng. Kim A khai nguồn gốc số ma túy bán cho N và V là do Kim A mua của Trần Thị Tuyết K nhưng K không thừa nhận.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị Kim A tại Căn hộ M Tòa nhà Apec Mandala P, phát hiện 03 túi nilon trong suốt bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng.

Kết luận giám định số 248/KL-KTHS ngày 22/8/2025 của Phòng K4 Công an tỉnh Đ kết luận: Tinh thể màu trắng trong bì nhựa trong suốt ký hiệu A<sub>1</sub> là ma túy, có khối lượng 0,173g loại Methamphetamine; tinh thể màu trắng trong túi nilon trong suốt ký hiệu A<sub>2.1</sub> là ma túy, có khối lượng 0,775g loại Methamphetamine; tinh thể

màu trắng trong túi nilon trong suốt ký hiệu A<sub>2.2</sub> là ma túy, có khối lượng 1,046g loại Methamphetamine; tinh thể màu trắng trong túi nilon trong suốt ký hiệu A<sub>3</sub> là ma túy, có khối lượng 2,456g loại Methamphetamine.

**Tại Bản án số 23/2026/HS-ST ngày 25/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã quyết định:**

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Tuyết K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Tuyết K **04 (B) năm** tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt: **06 (S) tháng** tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HSST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là: **04 (Bốn) năm 06 (S) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/8/2025.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Trần Thị Thúy K2 10.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim A, xử lý tang vật chứng của vụ án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 25/3/2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có quyết định kháng nghị phúc thẩm số:19/QĐ-VKS-P7 kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 23/2026/HSST ngày 25/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đắk Lắk tăng hình phạt tù đối với bị cáo Trần Thị Tuyết K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Tuyết K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị Tuyết K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về mức hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo K 04 năm tù là quá nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo; Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết K từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tổng hợp hình phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HSST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk, phạt tiền bị cáo Trần Thị Tuyết K 10.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Đồng thời, giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo K không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét về mức hình phạt tù cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Tuyết K đã khai hành vi phạm tội

của mình là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có đủ cơ sở để khẳng định: Sau khi mua ma túy của một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch), đến ngày 12/8/2025 tại Căn hộ M Tòa nhà A Phú Yên, thuộc Khu phố T, phường T, tỉnh Đắk Lắk, Trần Thị Tuyết K lại có hành vi bán trái phép 4,45 gam ma túy loại Methamphetamine cho Nguyễn Thị Kim A với giá 4.800.000 đồng. Số ma túy trên K đem phân lẻ cất giấu mục đích để bán lại kiếm lời thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo K về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét mức hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Tuyết K:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại cấp sơ thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì thấy bị cáo K đã thực hiện hành vi mua bán với khối lượng 4,45 gam ma túy loại Methamphetamine, bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị kết án 09 năm tù cũng về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và các tội phạm khác chưa được xóa án tích nhưng không chịu rèn luyện, cải tạo mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội là thuộc trường hợp “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên mức hình phạt 04 năm tù đối với bị cáo K là không nghiêm minh. Tuy nhiên, xét thấy ngoài hình phạt chính thì Tòa án cấp sơ thẩm còn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 10.000.000 đồng và còn tổng hợp với phần hình phạt của bản án khác, bị cáo là phụ nữ, đã ly hôn chồng, có 02 con và khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện.

Do đó, không cần thiết phải tăng hình phạt tù đối với bị cáo K, giữ nguyên mức hình phạt tù của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Không chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc tăng hình phạt tù đối với bị cáo Trần Thị Tuyết K, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2026/HS-ST ngày 25/02/2006 của Tòa án nhân dân khu vực 11- tỉnh Đắk Lắk về mức hình phạt của bị cáo Trần Thị Tuyết K.

### **Tuyên xử:**

[1]. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Tuyết K phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

[2]. Về Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết K 04 (B) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 06 (S) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HSST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk, buộc bị cáo Trần Thị Tuyết K phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là **04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/8/2025.

**[3].** Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Trần Thị Tuyết K 10.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

**[4].** Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị Tuyết K không phải chịu án phí phúc thẩm.

**[5].** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc, kiểm tra 1 - TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; lưu án văn.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Y Phi Kbuôr**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 09 giờ 10 phút ngày 02 tháng 6 năm 2026;

Tại: Phòng nghị án - Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

**Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Phi K3

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Công B1 và bà Đặng Thị Thu H

Tiến hành nghị án vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 82/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo Trần Thị Tuyết K do có kháng nghị của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2026/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk.

**Bị cáo Trần Thị Tuyết K**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: khu phố C, phường T, tỉnh Đắk Lắk bị Tòa án nhân dân khu vực 11- Đắk Lắk xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự với mức hình phạt 04 (B) năm tù

*Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH  
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

**1. Về điều luật áp dụng:**

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Không chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc tăng hình phạt tù đối với bị cáo Trần Thị Tuyết K, giữ nguyên Bản

án hình sự sơ thẩm số 23/2026/HS-ST ngày 25/02/2006 của Tòa án nhân dân khu vực 11- tỉnh Đắk Lắk về mức hình phạt của bị cáo Trần Thị Tuyết K.

*Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.*

**2. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:**

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết K 04 (B) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 06 (S) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HSST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk, buộc bị cáo Trần Thị Tuyết K phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là **04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/8/2025.

*Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.*

**3. Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Trần Thị Tuyết K 10.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

*Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.*

**4. Về án phí hình sự phúc thẩm:** Bị cáo K không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.*

**5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm** không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị sơ thẩm.

*Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.*

Biên bản lập xong hồi 09 giờ 20 phút cùng ngày. Đã đọc lại cho mọi người cùng nghe nhất trí và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Công B1**

**Đặng Thị Thu Hằng Y Phi K3**

